

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2023

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Anh Huê
2. Bà Đậu Thị Phú

*Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Q

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:* không.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Từ Thị T, sinh năm 1995  
Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình
  2. Bị đơn: Anh Đàm Văn H, sinh năm 1990  
Địa chỉ: thôn S, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình
- Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 11/10/2022, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Từ Thị T trình bày:* Chị và anh Đàm Văn H có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 14/12/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó hay cãi cọ nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên nội ngoại hoà giải, khuyên nhủ nhưng chị T nhận thấy không thể hàn gắn được, chị T mong muốn xin ly hôn với anh Đàm Văn H để ổn định cuộc sống.

Về con chung, quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Đàm Khánh N, sinh ngày 11/9/2012 và Đàm Duy K, sinh ngày 12/6/2014. Sau khi kết hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con và yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T trình bày do điều kiện công việc và phương tiện đi lại khó khăn nên chị không thể có mặt tại Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án ly hôn với anh Đàm Văn H. Chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt (có xác nhận của UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình).

*Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/02/2023, bị đơn anh Đàm Văn H trình bày:* Anh và chị Từ Thị T có quá trình tìm hiểu, tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 14/12/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống đầm ấm, hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2015 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, hai bên đã cố gắng cải thiện tình trạng nhưng không có kết quả. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh H đồng ý vì vợ chồng ly thân đã lâu.

Về con chung, sau khi ly hôn, anh H nhất trí giao hai con chung là Đàm Khánh Ngọc, sinh ngày 11/9/2012 và Đàm Duy K, sinh ngày 12/6/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H nhất trí đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H trình bày, anh đã nhận được các tài liệu chứng cứ do chị T gửi đến, anh không có ý kiến hay yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì. Anh H cũng đã nhận được các giấy tờ do Tòa án nhân dân huyện Q gửi đến nhưng vì lý do công việc nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án và xin phép được vắng mặt trong phiên xét xử vụ án. Anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt (có xác nhận của UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tình cảm: chị Từ Thị T và anh Đàm Văn H đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 14/12/2012, vì vậy quan hệ hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh H chung sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2015 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, chị T và anh

H đều trình bày không còn tình cảm với nhau và mong muốn xin được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống của bản thân. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xét xử cho chị T được ly hôn với anh H. Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Từ Thị T và bị đơn anh Đàm Văn H tuy nhiên chị T và anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt chị Từ Thị T và anh Đàm Văn H.

[2] Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh H đều trình bày vợ chồng có 02 con chung Đàm Khánh Ngọc, sinh ngày 11/9/2012 và Đàm Duy Khánh, sinh ngày 12/6/2014. Sau khi ly hôn chị T và anh H thống nhất giao hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H nhất trí đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Từ Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn, anh Đàm Văn H phải đóng góp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Xét xử vắng mặt chị Từ Thị T và anh Đàm Văn H.
2. Về quan hệ tình cảm: Cho ly hôn giữa chị Từ Thị T và anh Đàm Văn H.
3. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Đàm Khánh Ngọc, sinh ngày 11/9/2012 và Đàm Duy Khánh, sinh ngày 12/6/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con lần lượt tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Từ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và anh Đàm Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ nhà nước. Số tiền án phí chị T phải nộp được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q theo biên lai số 0002185 ngày 12/10/2022. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã Q;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

*(Đã đăng)*

**Nguyễn Thị Lan Phương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã Thuận Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lan Phương**

